

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/DS-ST
Ngày 16-8-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm 1975 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2. Bà Phan Thị L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đào Văn T trình bày: Vào ngày 15 tháng 02 năm 2020, ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L có thể chấp cho ông căn nhà tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau để vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, trả lãi hàng

tháng. Sau khi nhận tiền ông P, bà L trả lãi cho ông được 05 tháng với số tiền 8.000.000 đồng. Từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến nay ông P, bà L không đóng lãi và không trả vốn cho ông. Ông yêu cầu ông P, bà L trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15 tháng 7 năm 2021 đến nay.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông P vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Đào Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đào Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L.

[3] Tại phiên tòa ông Đào Văn T cho rằng ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L có cầm nhà cho ông T để vay số tiền 40.000.000 lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, sau khi vay ông P, bà L đã trả lãi cho ông T được 5 tháng với số tiền là 8.000.000 đồng, ông T yêu cầu ông P, bà L trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi ông P và bà L không trả lãi đến nay. Đối với ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để hòa giải và giải xét xử nhưng ông P, bà L không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông T. Xét thấy giấy cầm nhà ngày 15 tháng 02 năm 2020 do ông T cung cấp có chữ ký của ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L thể hiện ông P, bà L có vay của ông T số tiền 40.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định ông P, bà L có vay của ông T số tiền 40.000.000 đồng.

Về lãi suất: Lãi suất giữa các đương sự thỏa thuận mỗi 4% là quá cao so với lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo quy định lãi suất trong hạn là 20%/năm, lãi tháng là 1,66%, lãi ngày là 0,55%; lãi quá hạn 30%/năm, lãi tháng là 2,5%, lãi ngày là 0,08%. Tiền lãi từ khi vay là ngày 15 tháng 02 năm 2020 đến ngày ông P, bà L không trả lãi là ngày 15 tháng 7 năm 2020, tiền lãi là 40.000.000 đồng x 5 tháng x 1,66% = 3.320.000 đồng. Lãi và vốn

đến ngày 15 tháng 7 năm 2020 là 43.320.000 đồng, ông P, bà L đã trả 8.000.000 đồng, như vậy tiền gốc còn lại đến ngày 15 tháng 7 năm 2020 là 43.320.000 đồng – 8.000.000 đồng = 35.320.000 đồng. Tiền lãi suất trong hạn từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến ngày 15 tháng 02 năm 2021 là 7 tháng với số tiền là 35.320.000 đồng x 7 tháng x 1,66% = 4.104.184 đồng. Tiền lãi quá hạn từ 15 tháng 02 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 06 tháng 01 ngày số tiền lãi sẽ là: (35.320.000 đồng x 01 năm x 30%) + (35.320.000 đồng x 6 tháng x 2,5%) + (35.320.000 đồng x 01 ngày 0,08%) = 15.922.256 đồng. Tổng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 20.026.440 đồng. Như vậy ông P và bà L có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền tổng gốc và lãi là 55.346.440 đồng.

[4] Đối với căn nhà của ông P và bà L thể hiện trong giấy cầm nhà, tại phiên tòa ông T cho rằng chỉ ghi trong giấy vay tiền như vậy nhưng trên thực tế ông T không có giữ nhà và giấy tờ nhà của ông P và bà L nên không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí, ông T nộp tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng được nhận lại. Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.767.000 đồng.

Vì các lẽ trên, 2.767.322,00

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T. Buộc bà ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Văn T số tiền 55.346.440 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Đào Văn T không phải chịu án phí, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017700 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông T được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L có nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.767.000 đồng (hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, ông Đào Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều